

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô MÔN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HSST

Ngày: 18-5-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thanh Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Mai Độ – Bí thư Đoàn phường Châu Văn Liêm.
2. Bà Lê Thị Tân An – Cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Đồi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/HSST ngày 20/4/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 29/4/2020 đối với các bị cáo:

**1/ MAI THANH V** – sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu vực B, phường V, quận M, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 0/12 (đọc và viết được Tiếng Việt); Dân tộc: Khmer; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai D, sinh năm 1962 (sống) và bà Danh Thị Th, sinh năm 1961 (sống); Anh chị em ruột: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1994; Vợ: Trần Thị Lan T, sinh năm 2000; Con: Có 01 người con sinh năm 2019.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 03 tiền án:

- Ngày 19/6/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 05 năm tù về tội Cướp tài sản theo Điểm a Khoản 2 Điều 133 Bộ Luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/01/2011, chưa được xóa án tích.

- Ngày 29/11/2011, bị Tòa án nhân dân quận Ô Môn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 138 Bộ Luật hình sự năm

1999. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/3/2014, đến nay chưa nộp án phí.

- Ngày 28/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 138 Bộ Luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/12/2016, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

**2/ CHÂU HOÀNG Q** – sinh ngày 24/7/2002.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu vực C, phường V, quận M, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Hồng V, sinh năm 1978 (sống) và bà Tô Thị Y, sinh năm 1981 (sống); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

\* Người giám hộ cho bị cáo Châu Hoàng Q: Ông **Tô Văn H**, sinh năm 1958. Là ông ngoại của bị cáo. *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực E, phường V, quận M, thành phố Cần Thơ.

\* Người bào chữa cho bị cáo Châu Hoàng Q: Ông **Nguyễn Hoàng Dư** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

\* Bị hại: Chị **Nguyễn Thị Th1**, sinh năm 1996. *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu vực L, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Tùng Đ**, sinh năm 1964. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn L, huyện L, thành phố Cần Thơ.

\* Người làm chứng:

1/ Anh **Nguyễn Hoàng V1**, sinh năm 1979. *(vắng mặt)*

2/ Chị **Đương Thị Ra P**, sinh năm 1979. *(vắng mặt)*

3/ Bà **Đương Thị Th2**, sinh năm 1964. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực L, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

4/ Anh **Tiết Văn M**, sinh năm 1988. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực Y, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 16/01/2020 Châu Hoàng Q đi đến nhà Mai Thanh V chơi. Sau đó, V dẫn xe mô tô loại Dream màu nâu có gắn biển số 65P2 – 8752 từ trong nhà ra ngoài thì Q hỏi V đi đâu. V nói “đi kiếm hên” tức là đi tìm tài sản để lấy trộm. Q xin đi cùng, V đồng ý. V điều khiển xe chở Q ngồi sau chạy về hướng về phường Trường Lạc, quận Ô Môn thì V nhìn thấy chị Nguyễn Thị Th1 đang đứng cặp lộ nông thôn (trước nhà 24/8 khu vực Bình Lợi) để xem hoa tết, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng nên V nảy sinh ý định giật lấy sợi dây chuyền và rủ Q cùng thực hiện, Q đồng ý thì V quay xe lại và áp sát vào chị Th1, Q dùng tay giật mạnh làm dây chuyền trên cổ chị Th1 đứt ra 02 đoạn (01 đoạn rơi lại tại hiện trường; đoạn còn lại Q cầm trên tay và làm rơi khi đang chạy trốn). Do xe bị chao đảo nên ngã xuống lộ. V và Q bỏ xe lại chạy trốn, lúc này, chị Th1 và người dân gần đó tri hô nên được anh Nguyễn Chí T và anh Tiết Văn M đuổi theo truy tìm bắt được giao Công an phường Trường Lạc xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 22/01/2020 của hội đồng định giá tài sản quận Ô Môn kết luận: Giá 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, tuổi 68%, trọng lượng 1,284 chỉ là: 1,284 chỉ x 2.896.800 đồng/chỉ = 3.719.491 đồng. Giá 01 mặt dây chuyền tuổi vàng 50% trọng lượng vàng 0,288 chỉ hình trái tim, có đính nhiều hột màu trắng (hột thường không có giá trị) là: 0,288 chỉ x 2.130.400 đồng/chỉ = 613.555 đồng. Tổng giá trị của tài sản vào thời điểm xảy ra vụ cướp giật tài sản (ngày 16/01/2020) là 4.333.046 đồng.

Đối với đoạn dây chuyền Quân giật được cầm trên tay và làm rơi khi chạy trốn, Cơ quan điều tra đã tiến hành tìm kiếm nhưng không tìm thấy.

Đối với xe mô tô loại Dream màu nâu có gắn biển số 65P2 – 8752 mà V dùng làm phương tiện phạm tội, V khai xe trên là của V nhận cầm của một người thanh niên tên T1 (không rõ nhân thân và địa chỉ), khi nhận cầm xe đã có gắn biển số 65P2–8752. Qua tra cứu số máy VTT25JLIP50FMG002757, số khung RRKDCG1UM8XJ02757 xe mô tô trên là trùng khớp với số máy và số khung trên xe và phù hợp với các đặc điểm xe. Tuy nhiên biển số 65P2–8752 đang gắn trên xe không phù hợp với kết quả tra cứu, biển số tra cứu ra là 65K2–2700 do ông Nguyễn Tùng Đ đứng tên chủ sở hữu, ông Đ đã bán xe trên cho người khác nhưng không nhớ bán cho ai và hiện ông Đ không có yêu cầu gì.

Ngày 05/3/2020 Cơ quan điều tra trưng cầu giám định biển số xe mô tô 65P2–8752 với biển số xe mô tô 65P2–1473 (mẫu so sánh). Ngày 12/3/2020, Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Biển số xe mô tô 65P2–8752 cần giám định ký hiệu A so với biển số xe mô tô 65P2–1473 mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một bản in ra nên cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo truy tìm chủ sở hữu của xe trên.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, số máy VTT25JLIP50FMG002757, số khung RRKDCG1UM8XJ02757 có gắn biển số 65P2–8752 đã qua sử dụng; 01 đoạn của sợi dây chuyền kim loại màu vàng có chiều dài 20cm, tuổi vàng 68%, trọng lượng 0,544 chỉ; 01 mặt dây chuyền tuổi vàng 50%, trọng lượng vàng 0,288 chỉ hình trái tim, có đính nhiều hột màu trắng; 01 áo thun màu đen tay ngắn (đã qua sử dụng); 01 quần sọt màu đen (đã

qua sử dụng); 01 áo thun màu xám có hoa văn ngắn tay (đã qua sử dụng); 01 quần sọt jean màu xanh đen (đã qua sử dụng); 01 dây thắt lưng màu nâu đen (đã qua sử dụng); 01 vỏ bao bằng giấy in chữ DNTN – Tiệm vàng “Hoàng KIM SB” có ghi chữ màu xanh “Dây xoắn”: 16PNJ68 1C 28.4 x 2515 + 240/3469 củ 8P3X2315 = 1921/1547; 01 USB ghi nội dung hình ảnh và âm thanh cuộc hỏi cung và đối chất của các bị can, đã được niêm phong.

Trách nhiệm dân sự: Châu Hoàng Q có đại diện là ông Tô Văn H (ông ngoại của Q) đã bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Th1 số tiền 2.200.000 đồng. Hiện chị Th1 yêu cầu được nhận lại tài sản đang tạm giữ, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-OM ngày 16 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố Mai Thanh V về tội “*Cướp giật tài sản*” theo Điểm d, i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; Châu Hoàng Q về tội “*Cướp giật tài sản*” theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn trình bày lời luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Mai Thanh V và Châu Hoàng Q theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời phân tích những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Đối với bị cáo V: Đề nghị áp dụng Điểm d, i Khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo V mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Đối với bị cáo Q: Đề nghị áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Q mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, có gắn biển số 65P2-8752, số máy VTT25JLIP50FMG002757, số khung RRKDCG1UM8XJ02757 do đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho chị Th1 01 đoạn của sợi dây chuyền kim loại màu vàng có chiều dài 20cm, tuổi vàng 68%, trọng lượng 0,544 chỉ; 01 mặt dây chuyền tuổi vàng 50%, trọng lượng vàng 0,288 chỉ hình trái tim, có đính nhiều hạt màu trắng.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun màu đen tay ngắn; 01 quần sọt màu đen; 01 áo thun màu xám có hoa văn ngắn tay; 01 quần sọt jean màu xanh đen; 01 dây thắt lưng màu nâu đen do không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu lưu hồ sơ 01 vỏ bao bằng giấy in chữ DNTN – Tiệm vàng “Hoàng KIM SB” có ghi chữ màu xanh “Dây xoắn”: 16PNJ68 1C 28.4 x 2515 + 240/3469 củ 8P3X2315 = 1921/1547 và 01 USB ghi nội dung hình ảnh và âm thanh cuộc hỏi cung và đối chất của các bị cáo, đã được niêm phong.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 2.200.000 đồng do ông Hồng (ông ngoại của bị cáo Q bồi thường), nay bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Ông Nguyễn Hoàng Dư trình bày lời bào chữa cho bị cáo Châu Hoàng Q: Ông thống nhất ý kiến với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Q theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng, cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Q. Do bị cáo Q phạm tội trong độ tuổi vị thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội chỉ vì nông nổi nhất thời. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điều 91, Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù.

- Bị cáo Châu Hoàng Q thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo thống nhất ý kiến với lời bào chữa của người bào chữa. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Mai Thanh V thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Chị Nguyễn Thị Th1 trình bày: Ngày 16/01/2020, bị cáo V và bị cáo Q có giết 01 sợi dây chuyền có gắn mặt hình trái tim bằng vàng. Sau khi xảy ra sự việc, ông Hồng – ông ngoại của bị cáo Q có bồi thường cho chị giá trị 01 đoạn dây chuyền bị mất là 2.200.000 đồng. Nay chị không có yêu cầu bồi thường gì khác, chị yêu cầu được nhận lại đoạn dây chuyền còn lại và 01 mặt dây chuyền hình trái tim. Chị yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định.

- Ông Tô Văn H trình bày: Sau khi xảy ra sự việc, ông có bồi thường cho chị Th1 số tiền 2.200.000 đồng, ông không có yêu cầu bị cáo V trả lại một phần số tiền mà ông đã bồi thường. Ông yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận của bị cáo Mai Thanh V và bị cáo Châu Hoàng Q trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Từ đó có đủ cơ sở chứng minh: Vào ngày

16/01/2020, bị cáo V đã điều khiển xe mô tô có gắn biển số 65P2 – 8752 chở bị cáo Q ngồi phía sau đi tìm tài sản để lấy trộm. Đến khi phát hiện chị Nguyễn Thị Th1 có đeo trên cổ 01 sợi dây chuyền vàng nên bị cáo V đã rủ bị cáo Q giật lấy dây chuyền của chị Th1, bị cáo Q đồng ý. Mặc dù không dùng lời nói nhưng khi bị cáo V hỏi bị cáo Q “mày có thấy người phụ nữ đeo sợi dây chuyền vàng không” thì bị cáo Q hiểu là bị cáo V rủ bị cáo Q giật dây chuyền của chị Th1. Sau đó, bị cáo V điều khiển xe áp sát vào chị Th1, bị cáo Q dùng tay giật lấy dây chuyền trên cổ chị Th1 làm sợi dây chuyền đứt ra thành 02 đoạn nhưng không gây thương tích cho chị Th1. Sau khi giật dây chuyền xong, xe của các bị cáo bị ngã xuống lộ, các bị cáo bỏ chạy thì bị người dân truy tìm bắt được và giao Công an phường Trường Lạc xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 22/01/2020 của hội đồng định giá tài sản quận Ô Môn kết luận, tổng giá trị tài sản mà chị Th1 bị chiếm đoạt vào ngày 16/01/2020 là 4.333.046 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo V, do có 03 tiền án chưa được xóa án tích nên hành vi lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại Điểm d, i Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Mặc dù các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị trước khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng các bị cáo đã có sự thống nhất với nhau trong hành động, bị cáo V là người rủ và điều khiển xe mô tô chở bị cáo Q, khi bị cáo V điều khiển xe áp sát vào bị hại thì bị cáo Q thực hiện hành vi giật dây chuyền của bị hại. Từ đó có cơ sở xác định đồng phạm giản đơn trong vụ án.

Các bị cáo nhận thức được việc điều khiển xe mô tô để cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, không chỉ gây nguy hiểm cho người bị giật tài sản mà còn nguy hiểm cho cả bản thân các bị cáo nhưng các bị cáo vẫn bất chấp luật pháp, cố ý thực hiện hành vi. Các bị cáo đều có khả năng lao động tạo thu nhập hợp pháp nhưng chỉ vì bản tính tham lam, chây lười lao động, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, cần có một mức án thật nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo có thời gian ăn năn, hối cải về hành vi sai trái của mình.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Q có nhân thân tốt, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Q chưa đủ 18 tuổi, nhận thức và hiểu biết về pháp

luật còn hạn chế, bị cáo Q có tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 2.200.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết này để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc gia đình bị cáo Q đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị Th1 số tiền 2.200.000 đồng. Nay chị Th1 không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Mai Thanh V và bị cáo Châu Hoàng Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng: Điểm d, i Khoản 2 Điều 171; Điều 17, Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

**Xử phạt: Mai Thanh V 05 (Năm) năm tù.**

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/01/2020.

- Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điều 12; Điều 17, Điều 38; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

**Xử phạt: Châu Hoàng Q 03 (Ba) năm tù.**

Thời hạn phạt tù tính từ ngày 16/01/2020.

\* **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Th1 01 đoạn của sợi dây chuyền kim loại màu vàng có chiều dài 20cm, tuổi vàng 68%, trọng lượng 0,544 chỉ; 01 mặt dây chuyền tuổi vàng 50%, trọng lượng vàng 0,288 chỉ hình trái tim, có đính nhiều hột màu trắng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, có gắn biển số 65P2-8752, số máy VTT25JLIP50FMG002757, số khung RRKDCG1UM8XJ02757 (đã qua sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun màu đen tay ngắn; 01 quần sọt màu đen; 01 áo thun màu xám có hoa văn ngắn tay; 01 quần sọt jean màu xanh đen; 01 dây thắt lưng màu nâu đen (tất cả đều đã qua sử dụng).

*(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý)*

- Tịch thu lưu hồ sơ 01 vỏ bao bằng giấy in chữ DNTN – Tiệm vàng “Hoàng KIM SB” có ghi chữ màu xanh “Dây xoắn”: 16PNJ68 1C 28.4 x 2515 + 240/3469 củ 8P3X2315 = 1921/1547 và 01 USB ghi nội dung hình ảnh và âm thanh cuộc hỏi cung và đối chất của các bị cáo, đã được niêm phong.

**\* Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo – Mai Thanh V và Châu Hoàng Q phải nộp số tiền 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Công an quận Ô Môn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Bùi Trần Thanh Thế**